TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG HÀ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/DSST
Ngày: 05-02-2024
V/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Tuấn

2. Ông Tống Xuân tú

Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Mai- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên toà: bà Nguyễn Hà Giang - Kiểm sát viên

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2023/TLST-DSST ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXX-ST ngày 22 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Ông Dương Quang L, sinh năm 1951; có mặt

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955; vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T: ông Dương Quang L, sinh năm 1951 (chồng bà T); có mặt

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1955; có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đều ở địa chỉ: thôn D, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Dương Quang L trình bày:

Vợ chồng ông và bà Nguyễn Thị Nh có quan hệ là người cùng làng. Vào ngày 22-5-2019 âm lịch,vợ chồng ông có cho bà Nh vay số tiền 15.000.000 đồng. Bà Nh viết giấy vay với nội dung: ngày 22-5-2019, em Nh còn nợ chị T L 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), ngoài nội dung ghi trong giấy, vợ chồng ông và bà Nh có thỏa thuận: khi nào vợ chồng ông cần tiền thì bà Nh sẽ

trả tiền cho vợ chồng ông tiền gốc và lãi suất là 0,8 %/tháng. Vợ chồng ông đã đòi nhiều lần nhưng bà Nh không trả. Số tiền 15.000.000 bà Nh vay là tiền chung của vợ chồng ông. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nh phải trả cho vợ chồng ông số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng (Mười lăm đồng), không yêu cầu bà Nh phải trả tiền lãi suất.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17-01-2024 và đơn đề nghị, bị đơn là Nguyễn Thị Nh đã trình bày: bà nhất trí với giấy ghi nợ do bà viết và ký tên đề ngày 22-5-2019 với nội dung bà còn nợ vợ chồng ông L và bà T số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), không có thời hạn, không có lãi suất, đây là khoản vay riêng của bà, không liên quan đến chồng bà.

Nay ông L, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà phải trả số tiền gốc 15.000.000 đồng, bà xin ông L và bà T miễn cho bà số tiền trên vì bà hiện nay rất khó khăn và già yếu.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 357, 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Dương Quang L và bà Nguyễn Thị T; buộc bà Nguyễn Thị Nh phải trả ông Dương Quang L và bà Nguyễn Thị T số tiền là 15.000.000 đồng.

Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn là bà Nguyễn Thị Nh có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Tân Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình và nguyên đơn có

đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giải quyết nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: hợp đồng vay tài sản không có thời hạn giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện ngày 22-5-2019 (âm lịch); hai bên thỏa thuận khi nguyên đơn yêu cầu trả tiền thì bị đơn hoàn trả nguyên đơn nhưng bị đơn không trả. Ngày 11-12-2023, nguyên đơn có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn. Căn cứ Điều 429 Bộ luật Dân sự, xác định thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[4] Về nội dung tranh chấp: nguyên đơn là ông Dương Quang L và bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà Nguyễn Thị Nh phải trả số tiền vay gốc là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Chứng cứ nguyên đơn xuất trình là 01 giấy vay tiền đề ngày 22-5-2019, số tiền vay là 15.000.000 đồng. Xét việc vay tiền đã được bà Nh xác nhận còn nợ ông L và bà T số tiền gốc 15.000.000 đồng. Ông L và bà T yêu cầu bà Nh phải hoàn trả bà toàn bộ số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Vì vậy, căn cứ vào Điều 357, Điều 469 Bộ luật Dân sự, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L và bà T, buộc bà Nh có trách nhiệm trả số tiền gốc đã vay cho vợ chồng ông L và bà T.

[5] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 357, 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Dương Quang L và bà Nguyễn Thị T.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Nh phải trả vợ chồng ông Dương Quang L và bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các

khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7; 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Nh.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn là ông Dương Quang L và bà Nguyễn Thi T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là bà Nguyễn Thị Nh có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hưng Hà,
- Các đương sự,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên